

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **89/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 26 - 8- 2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thận

2. Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 443/2021/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị C; Sinh năm: 1997

Trú tại: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Trần Hoàng H; Sinh năm: 1988

Trú tại: thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà C và ông Trần Hoàng H tự nguyện chung sống vào năm 2018 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh H, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/7/2018. Ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống về làm ăn tiền bạc. Bà C và ông H thường cãi nhau. Từ năm 2020 bà C và ông H đã sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập. Hiện nay bà C đã về nhà mẹ ruột sống tại xã Đ còn anh H thì sống ở M. Tuy nhiên, ông H đi làm ăn xa, ông H có biết việc bà đưa đơn ly hôn nhưng ông không về để giải quyết mà cố tình gây khó khăn.

Bà C đã đăng báo theo quy định. Vì vậy, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Hoàng H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.*

Bị đơn ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Hoàng H theo quy định. Do bị đơn ông Trần Hoàng H có hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: bà C và ông Trần Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018. Ông bà có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/7/2018. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày: Bà C và ông Trần Hoàng H tự nguyện chung sống vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, cãi nhau về chuyện tiền bạc nên từ đó xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà C và ông H đã sống ly thân từ năm 2020 liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập. Quá trình giải quyết vụ án ông H mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Mặt khác, Tòa án đã đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng 03 số liên tiếp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông H cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ việc. Do đó, xem như ông H tự mình từ bỏ quyền chứng minh của mình. Bà C và ông H đã sống ly thân từ năm 2020 liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, bà C và ông H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà C phải chịu theo luật định.

* Về chi phí đăng báo nguyên đơn tự chịu.

* Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C về việc ly hôn. Bà Trần Thị C được ly hôn với ông Trần Hoàng H.

[2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị C phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000183 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điền Thị Hạnh